

Số: **0975** /PECC2-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

V/v Công bố thông tin của Công ty
niêm yết: “Báo cáo tài chính kiểm toán
Khôi Văn Phòng cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2020”.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2.
2. Mã chứng khoán: TV2.
3. Địa chỉ trụ sở chính: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
4. Điện thoại: (84-8) 222 16468 Fax: (84-8) 222 10 408.
5. Người đại diện theo Pháp luật:
Ông Nguyễn Chơn Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
6. Nội dung công bố thông tin:
Báo cáo tài chính kiểm toán Khôi Văn Phòng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lập ngày 25 tháng 03 năm 2021 bao gồm:
 - Bảng Cân đối kế toán
 - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.pecc2.com>.

Trân trọng, *Tul*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính kiểm toán Khôi Văn Phòng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

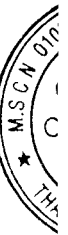


Nguyễn Chơn Hùng



**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 –
Khối Văn phòng**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0300420157

ngày 29 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300420157 ngày 2 tháng 3 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chơn Hùng
Ông Nguyễn Trọng Nam
Ông Trần Quang Lâm
Ông Võ Văn Bình
Ông Trương Khắc Len

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chơn Hùng
Ông Võ Văn Bình
Ông Nguyễn Trọng Nam
Ông Nguyễn Hải Phú
Bà Phạm Liên Hải

Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 6 năm 2020)
Phó Tổng Giám đốc thực hiện
chức trách, nhiệm vụ của
Tổng Giám đốc
(từ ngày 28 tháng 6 năm 2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Bà Trần Thị Hòa
Bà Trần Thị Việt Hà
Ông Võ Duy Bách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 27 tháng 6 năm 2020)
Thành viên
(đến ngày 26 tháng 6 năm 2020)

Trụ sở đăng ký

32 Ngô Thời Nhiệm
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

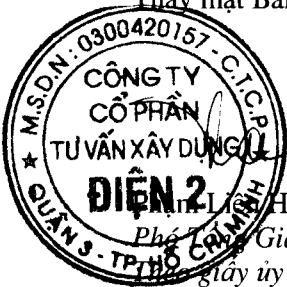
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Khối Văn phòng Công ty (“Khối Văn phòng”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Khối Văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Khối Văn phòng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Khối Văn phòng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Hải
Phó Tổng Giám đốc

giấy ủy quyền số 3099/UQ-PECC2 ngày 13 tháng 8 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng (“Khối Văn phòng”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

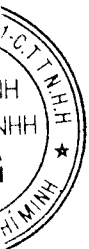
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00308-21-2



Chang Hùng Quân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.532.110.443.894	1.767.942.539.167
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	278.602.297.389	174.158.842.682
Tiền	111		143.643.335.949	30.508.842.682
Các khoản tương đương tiền	112		134.958.961.440	143.650.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		643.700.000.000	509.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	643.700.000.000	509.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.527.401.947.726	508.900.639.894
Phải thu của khách hàng	131	6	864.108.867.784	356.121.524.288
Trả trước cho người bán	132	7	664.106.491.736	27.228.752.531
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.156.172.291	12.412.112.536
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.795.365.129	122.976.518.685
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(17.764.949.214)	(9.838.268.146)
Hàng tồn kho	140	10	57.712.092.635	497.805.371.061
Hàng tồn kho	141		57.712.092.635	497.805.371.061
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.694.106.144	77.677.685.530
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	3.083.053.151	2.338.620.383
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.611.052.993	75.339.065.147

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		635.138.673.446	452.343.994.982
Các khoản phải thu dài hạn	210		37.520.632.786	26.855.747.213
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		33.840.115.046	23.940.729.473
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.680.517.740	2.915.017.740
Tài sản cố định	220		321.839.017.239	277.628.285.285
Tài sản cố định hữu hình	221	11	168.653.980.026	116.257.120.680
<i>Nguyên giá</i>	222		241.004.925.441	176.340.534.583
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.350.945.415)	(60.083.413.903)
Tài sản cố định vô hình	227	12	153.185.037.213	161.371.164.605
<i>Nguyên giá</i>	228		195.118.533.596	193.935.243.596
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(41.933.496.383)	(32.564.078.991)
Tài sản dở dang dài hạn	240		69.794.146.845	4.545.245.126
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	69.794.146.845	4.545.245.126
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	202.392.848.862	114.607.074.322
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		184.364.250.000	96.560.250.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.406.850.600	18.406.850.600
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(378.251.738)	(360.026.278)
Tài sản dài hạn khác	260		3.592.027.714	28.707.643.036
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	2.916.744.863	1.735.415.449
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	675.282.851	26.972.227.587
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.167.249.117.340	2.220.286.534.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.999.984.190.884	1.289.151.096.629
Nợ ngắn hạn	310		1.542.582.683.947	1.021.347.861.622
Phải trả người bán	311	16	868.088.757.365	585.927.893.157
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17(b)	171.425.110.827	44.327.686.290
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	43.282.786.003	11.905.840.611
Phải trả người lao động	314		157.336.860.375	125.920.895.134
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	96.111.740.803	124.571.796.158
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		47.771.491.368	10.777.296.002
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	530.315.604
Doanh thu chưa thực hiện	318		1.865.025.225	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	94.814.692.651	59.522.509.493
Vay ngắn hạn	320	21(a)	43.325.552.107	39.164.375.562
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22(b)	-	5.263.316.997
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	18.560.667.223	13.435.936.614
Nợ dài hạn	330		457.401.506.937	267.803.235.007
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17(b)	229.588.158.100	102.896.820.060
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	1.482.494.554	940.407.646
Vay dài hạn	338	21(b)	17.329.235.568	17.329.235.568
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22(b)	208.261.258.343	145.636.411.361
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		740.360.372	1.000.360.372

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

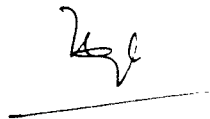
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.167.264.926.456	931.135.437.520
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.167.214.401.059	931.084.912.123
Vốn cổ phần	411	25	360.149.520.000	240.101.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.149.520.000	240.101.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.922.641.050	4.922.641.050
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.641.457.169	12.641.457.169
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	382.230.283.648	254.772.613.478
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		407.263.844.992	418.640.774.226
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		145.064.980.022	163.499.672.651
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		262.198.864.970	255.141.101.575
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		6.654.200	6.246.200
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		50.525.397	50.525.397
Nguồn kinh phí	431		50.525.397	50.525.397
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.167.249.117.340	2.220.286.534.149

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

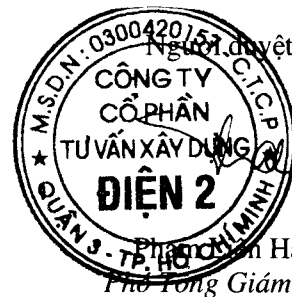
Người lập:



Hoàng Thụy Hoài Yến
 Phó trưởng phòng
 Tài chính Kế toán



Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán Trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

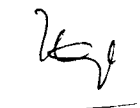
	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	3.295.150.024.142	2.622.494.585.917
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	30	2.944.075.211.434	2.378.177.970.181
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		351.074.812.708	244.316.615.736
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	67.389.770.374	61.369.514.556
Chi phí tài chính	22	32	10.538.510.003	6.377.366.244
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.995.882.785	2.389.044.469
Chi phí bán hàng	25	33	27.969.515.651	(54.408.946.537)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	89.956.307.003	76.592.402.349
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		290.000.250.425	277.125.308.236
Thu nhập khác	31	35	3.407.604.842	8.534.751.279
Chi phí khác	32	36	4.046.834.901	2.244.911.457
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(639.230.059)	6.289.839.822
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		289.361.020.366	283.415.148.058
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	38.292.608.292	30.248.612.706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	26.296.944.736	33.475.109.878
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		224.771.467.338	219.691.425.474

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

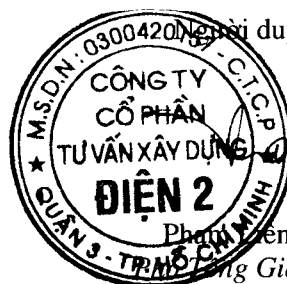


Nguyễn Minh Thu
 Phó trưởng phòng
 Tài chính Kế toán



Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phạm Văn Hải
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	289.361.020.366	283.415.148.058
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	24.295.399.303	22.811.946.984
Các khoản dự phòng	03	73.894.613.663	(70.613.310.102)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.892.811.203)	(302.209.356)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.692.408.322)	(53.273.783.739)
Chi phí lãi vay	06	2.995.882.785	2.389.044.469
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	1.102.550.423
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	348.961.696.592	185.529.386.737
Biến động các khoản phải thu	09	(755.981.596.827)	122.121.239.247
Biến động hàng tồn kho	10	440.093.278.426	(442.603.609.120)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	480.072.951.032	7.466.383.029
Biến động chi phí trả trước	12	(1.925.762.182)	2.210.119.517
		511.220.567.041	(125.276.480.590)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.460.990.929)	(1.855.454.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.122.529.338)	(50.404.933.608)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.780.000	68.408.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.388.397.685)	(43.241.619.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	462.267.429.089	(220.710.079.922)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(107.997.191.631)	(104.548.620.785)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	22.727.273	6.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(788.500.000.000)	(485.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	654.200.000.000	809.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(87.804.000.000)	(91.560.250.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	40.552.183.043	48.911.806.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(289.526.281.315)	176.809.754.015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	343.267.405.493	186.298.688.796
Tiền trả nợ gốc vay	34	(410.889.748.948)	(171.302.248.519)
Tiền chi trả cổ tức	36	(74.165.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.696.508.455)	14.996.440.277
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	105.044.639.319	(28.903.885.630)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	174.158.842.682	203.083.761.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(601.184.612)	(21.033.018)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	278.602.297.389	174.158.842.682

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Nguyễn Thị Huyền Trang
 Kế toán


 Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán Trưởng



Nguyễn Hải
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

II
 IG
 KI
 PH
 II

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Công ty hoạt động trên ba mảng công việc chính sau:

- Hoạt động tư vấn: bao gồm tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát;
- Hoạt động kinh doanh: hoạt động tổng thầu (Engineering, Procurement and Construction, sau đây gọi tắt là “EPC”) cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành thuê nhà máy điện (Operations and Maintenance, sau đây gọi tắt là “O&M”); và
- Hoạt động đầu tư: tập trung đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện nhỏ và nhà máy điện chạy khí.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Khối Văn phòng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Khối Văn phòng có 437 nhân viên (1/1/2020: 531 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khối Văn phòng bao gồm Văn phòng chính tại số 432, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (“Văn phòng”) và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trung tâm Tư vấn Lưới điện	Tòa nhà PECC2, Số 131, đường Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn các công trình Lưới điện
Trung tâm Tư vấn Thủy điện	Tòa nhà PECC2, Số 131, đường Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn các công trình Thủy điện
Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân	Tòa nhà Báo Sài Gòn Giải Phóng, Số 432, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn các công trình Nhiệt điện và Điện hạt nhân
Ban Quản lý Dự án EPC	Tòa nhà Báo Sài Gòn Giải Phóng, Số 432, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý các dự án nhà máy điện và hoạt động tổng thầu

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này chỉ bao gồm Khối Văn phòng như xác định trong Thuyết minh 1(d). Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính cho toàn công ty theo quy định. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

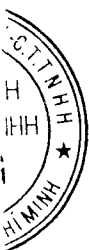
(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ, được tập hợp theo từng công trình, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng dở dang tại Khối Văn phòng được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ báo cáo đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Giá trị này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Khối Văn phòng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công việc xây lắp hoàn thành đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Cổ tức

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Khối Văn phòng khi kế hoạch chia cổ tức được căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức và danh sách cổ đông nhận cổ tức được xác định.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Tài sản thuê

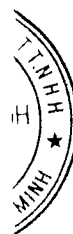
Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Khối văn phòng trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	586.958.006	2.124.754.123
Tiền gửi ngân hàng	143.056.377.943	28.384.088.559
Các khoản tương đương tiền (*)	134.958.961.440	143.650.000.000
	<hr/>	<hr/>
	278.602.297.389	174.158.842.682
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 3,0% đến 3,2% (2019: từ 4,5% đến 5,0%).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 4,4% (2019: từ 5,5% đến 6,8%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền gửi kỳ hạn 43 tỷ VND (1/1/2020: 12 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Khối Văn phòng (Thuyết minh 21).



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2020			1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ (i)	25,00%	87.410.250.000	-	(*)	25,00%	87.410.250.000	- (*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau (ii)	25,00%	91.554.000.000	-	(*)	25,00%	9.150.000.000	- (*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (iii)	45,00%	5.400.000.000	-	(*)	-	-	-
		184.364.250.000	-			96.560.250.000	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iv)	0,45%	1.656.850.600	(378.251.738)	1.278.598.862	0,45%	1.656.850.600	(360.026.278) 1.296.824.322
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (v)	5,00%	16.750.000.000	-	38.202.462.670	5,00%	16.750.000.000	- 37.639.263.618
		18.406.850.600	(378.251.738)	39.481.061.532		18.406.850.600	(360.026.278) 38.936.087.940
		202.771.100.600	(378.251.738)			114.967.100.600	(360.026.278)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày lập báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ (“Sơn Mỹ”) có địa chỉ trụ sở chính ở 01 Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam, và được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3401158688 ngày 29 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Thuận cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Sơn Mỹ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau (“Cà Mau”) có địa chỉ trụ sở chính ở HG1-23 Khu phố Thương mại và TTTM, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam, và được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001294821 ngày 28 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Cà Mau cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Cà Mau là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (“Thác Bà 2”) có địa chỉ trụ sở chính ở Khu 8, Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam, và được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200899087 ngày 21 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Yên Bái cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Thác Bà 2 là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (“EVN Quốc tế”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102379203 ngày 8 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của EVN Quốc tế là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (“Buôn Đôn”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Buôn Đôn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ	-	1.665.856.922
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	70.527.592.803	111.956.475.065
Ban QLDA Điện 1	23.978.058.000	3.355.527.000
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc – Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	20.338.096.437	706.139.412
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam – Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	13.087.144.152	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung – Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	11.392.203.200	2.267.143.936
Ban QLDA Điện 3	11.001.666.856	3.348.399.787
Ban QLDA Điện lực Miền Nam – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.054.520.525	-
Công ty Thủy điện IALY – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.029.950.375	980.483.900
Công ty Thủy điện Trị An – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.217.006.582	497.399.430
Công ty Truyền tải điện 1 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia	2.451.029.666	6.675.696.261
Ban QLDA Nhiệt điện 3	2.421.939.378	15.030.226.954
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	2.006.859.394	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai – Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 1	1.994.025.000	4.351.190.743
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.987.053.541	3.987.053.541
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.844.547.265	4.736.494.105
Công ty Truyền tải điện 4 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia	1.532.251.256	3.273.996.469
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	1.149.916.560	28.902.679
Công ty Điện lực Kiên Giang	916.036.017	-
Ban QLDA Truyền tải điện	684.375.695	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	501.518.581	501.518.581
Ban QLDA Lưới điện Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	469.991.832	469.991.832
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	449.349.940	2.146.069.108
Tổng công ty Phát điện 1	448.193.220	-

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV	400.661.131	256.075.131
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	384.268.500	1.544.160.750
Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bán Chát – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	349.696.700	1.451.485.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	226.153.584	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	178.370.587	178.370.587
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	171.383.439	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	69.824.052	2.016.817.513
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	68.527.195	68.527.195
Ban QLDA Thủy điện 6 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	57.702.210	57.702.210
Công ty Điện lực An Giang	24.205.500	24.205.500
Công ty Điện lực Đồng Nai	1.365.857	47.284.676
Công ty Thủy điện Đại Ninh – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	-	3.164.552.600
Ban QLDA Điện 2	-	677.109.543
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	-	632.866.891
Công ty Thủy điện Hòa Bình	-	361.599.842
Công ty Truyền tải điện 2 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia	-	351.170.453
Ban QLDA Thủy điện 5 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	259.775.607
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	250.003.630
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Năng lượng Gio Thành	179.120.930.488	-
Sinohydro – Khidi	45.213.523.038	72.534.769.212
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo và Nông nghiệp Ninh Thuận (NITSA)	-	69.631.549.581
Các khách hàng khác	453.358.929.228	36.634.931.892
	864.108.867.784	356.121.524.288

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong khoản phải thu của khách hàng có 131 tỷ VND (1/1/2020: 131 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Khối Văn phòng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 (Thuyết minh 21(a)(ii)).



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Các bên liên quan khác		
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH – Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	88.500.000	-
Công ty Điện lực Bình Thuận	-	3.469.892
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng	364.782.442.801	-
China Energy Engineering Group Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	258.472.655.256	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cảng biển Việt Nam	2.124.129.888	4.096.519.200
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	-	7.010.539.141
Công ty TNHH PCCC Hiệp Long	-	2.600.000.000
Các nhà cung cấp khác	38.638.763.791	13.518.224.298
	664.106.491.736	27.228.752.531

8. Phải thu khác

(a) Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.802.687.304	1.690.576.710
Tạm ứng	1.387.555.852	2.818.865.461
Ký quỹ, ký cược	793.000.000	187.154.048
Các khoản phải thu nhà thầu phụ (*)	3.513.978.074	118.161.960.898
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	33.025.022	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.265.118.877	117.961.568
	11.795.365.129	122.976.518.685

(*) Khoản phải thu các nhà thầu phụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm khoản phải thu nhà thầu phụ Pacific Group Corporation là 1,6 tỷ VND (1/1/2020: 108 tỷ VND). Theo Hợp đồng ký ngày 15 tháng 1 năm 2018, khoản phải thu này sẽ được bù trừ với khoản phải trả người bán cho Shanghai Zhenhua Pot Machinery Co., Ltd. (“ZPMC”). Trong năm, Khối văn phòng đã bù trừ khoản phải thu khác này với khoản phải trả người bán cho ZPMC là 184 tỷ VND.

(b) Dài hạn

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho việc thuê văn phòng, các xưởng và xí nghiệp.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

31/12/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Trên 3 năm	1.151.190.539	(1.151.190.539)	-
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Trên 2 năm – 3 năm	101.077.220	(70.754.054)	30.323.166
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh	Trên 3 năm	995.118.812	(995.118.812)	-
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh	Trên 1 năm – 2 năm	3.951.799.089	(1.975.899.545)	1.975.899.544
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Trên 1 năm – 2 năm	3.212.420.210	(1.606.210.105)	1.606.210.105
Ban QLDA Điện lực Miền Nam – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Trên 1 năm – 2 năm	898.931.487	(449.465.744)	449.465.743
Các khách hàng khác		20.041.605.131	(11.516.310.415)	8.525.294.717
		30.352.142.488	(17.764.949.214)	12.587.193.275
1/1/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia	Trên 6 tháng – 3 năm	554.064.593	(261.129.503)	292.935.090
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh	Trên 6 tháng – 1 năm	3.591.799.089	(1.077.539.727)	2.514.259.362
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	Trên 1 năm – 2 năm	811.853.557	(405.926.779)	405.926.778
Các khách hàng khác		9.504.543.340	(8.093.672.137)	1.410.871.203
		14.462.260.579	(9.838.268.146)	4.623.992.433

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nguyên vật liệu	59.132.583	50.360.945
Công cụ và dụng cụ	290.835.336	282.921.282
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.362.124.716	497.472.088.834
	<hr/>	<hr/>
	57.712.092.635	497.805.371.061

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết theo các công trình lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công trình Nhà máy điện gió Tân Thuận	19.640.712.976	24.927.848.240
Công trình Nhà máy điện gió Chính Thắng	11.491.685.396	-
Công trình Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 2	11.422.341.730	6.269.833.697
Công trình Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	32.743.675	408.760.339.781
Công trình Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	20.026.736.792
Các công trình khác	14.774.640.939	37.487.330.324
	<hr/>	<hr/>
	57.362.124.716	497.472.088.834

1/20
1/1
1/6
1/1
1/1

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	30.645.522.281	6.387.683.964	24.076.037.513	8.208.495.383	107.022.795.442	176.340.534.583
Tăng trong năm	-	252.291.650	1.981.889.260	513.826.202	-	2.748.007.112
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	67.871.367.711	-	-	-	-	67.871.367.711
Điều chuyển nội bộ	649.129.984	-	-	-	-	649.129.984
Phân loại lại	5.740.090.705	98.709.048.010	2.255.685.052		(106.704.823.767)	-
Quyết toán công trình	-	-	-	-	(317.971.675)	(317.971.675)
Góp vốn bằng tài sản	-	(235.174.600)	(2.947.143.571)	(2.116.442.055)	-	(5.298.760.226)
Thanh lý	-	(787.058.163)	-	(200.323.885)	-	(987.382.048)
Số dư cuối năm	104.906.110.681	104.326.790.861	25.366.468.254	6.405.555.645	-	241.004.925.441
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.452.066.376	5.175.041.382	20.521.203.024	5.690.187.783	9.244.915.338	60.083.413.903
Khấu hao trong năm	2.886.481.442	10.558.536.777	1.840.422.239	753.183.331	-	16.038.623.789
Điều chuyển nội bộ	243.423.765	-	-	-	-	243.423.765
Phân loại lại	497.376.445	8.552.471.179	195.067.714	-	(9.244.915.338)	-
Góp vốn bằng tài sản	-	(43.469.732)	(2.822.731.211)	(160.933.051)	-	(3.027.133.994)
Thanh lý	-	(787.058.163)	-	(200.323.885)	-	(987.382.048)
Số dư cuối năm	23.079.348.028	23.455.521.443	19.733.961.766	6.082.114.178	-	72.350.945.415
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	11.193.455.905	1.212.642.582	3.554.834.489	2.518.307.600	97.777.880.104	116.257.120.680
Số dư cuối năm	81.826.762.653	80.871.269.418	5.632.506.488	323.441.467	-	168.653.980.026

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 42,7 tỷ VND (1/1/2020: 43,1 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	156.820.740.242	37.114.503.354	193.935.243.596
Tăng trong năm	922.500.000	7.164.161.525	8.086.661.525
Góp vốn bằng tài sản	-	(6.903.371.525)	(6.903.371.525)
Số dư cuối năm	157.743.240.242	37.375.293.354	195.118.533.596
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.919.737.956	23.644.341.035	32.564.078.991
Khấu hao trong năm	3.088.766.481	6.379.623.979	9.468.390.460
Góp vốn bằng tài sản	-	(98.973.068)	(98.973.068)
Số dư cuối năm	12.008.504.437	29.924.991.946	41.933.496.383
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	147.901.002.286	13.470.162.319	161.371.164.605
Số dư cuối năm	145.734.735.805	7.450.301.408	153.185.037.213

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 17,8 tỷ VND (1/1/2020: 17,7 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	4.545.245.126	67.534.477.426
Tăng trong năm	133.120.269.430	45.136.113.565
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(67.871.367.711)	(107.022.795.442)
Xóa sổ	-	(1.102.550.423)
Số dư cuối năm	69.794.146.845	4.545.245.126



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trung tâm Thiết kế PECC2 – Thành phố Thủ Đức	65.250.509.196	5.243.841
Dự án PECC2 Tower tại số 32, đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Các công trình khác	3.636.364	-
	<hr/>	
	69.794.146.845	4.545.245.126
	<hr/>	

14. Chi phí trả trước

(a) Ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	776.162.452	1.130.337.795
Chi phí khác	2.306.890.699	1.208.282.588
	<hr/>	
	3.083.053.151	2.338.620.383
	<hr/>	

(b) Dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng VND	Chi phí đào tạo sử dụng phần mềm VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	249.733.111	882.081.566	515.443.060	88.157.712	1.735.415.449
Tăng trong năm	348.373.863	-	-	3.645.876.174	3.994.250.037
Phân bổ trong năm	(175.397.292)	(882.081.566)	(515.443.060)	(1.178.180.525)	(2.751.102.443)
Điều chuyển nội bộ	(61.818.180)	-	-	-	(61.818.180)
	<hr/>				
Số dư cuối năm	360.891.502	-	-	2.555.853.361	2.916.744.863
	<hr/>				



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí phải trả	20%	380.206.400	24.524.001.473
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	295.076.451	-
Dự phòng phải trả	20%	-	2.448.226.114
		675.282.851	26.972.227.587

16. Phải trả người bán

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	2.732.677.250	-
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	527.162.364	653.727.085
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	237.454.545	237.454.545
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	171.994.176	171.994.176
Nhà khách Bộ năng lượng	11.935.000	11.276.000
Bên thứ ba		
SunPower Systems International Limited	226.054.652.592	-
Zhejiang Jinko Solar Co., Ltd	203.667.951.084	-
Longi Solar Technology Co., Ltd	98.172.902.604	-
Huawei International Pte., Ltd	89.166.086.518	-
Pacific Group Corporation	15.113.553.243	71.019.235.224
Shanghai Zhenhua Port Machinery Co., Ltd	13.063.982.982	230.094.102.619
China Energy Engineering Group Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	62.807.423.946
Các nhà cung cấp khác	219.168.405.007	220.932.679.562
	868.088.757.365	585.927.893.157

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Người mua trả tiền trước

(a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	161.572.159	161.572.159
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau	227.347.076.850	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	7.212.079.015	7.605.949.061
Các đơn vị khác	483.255.867	4.145.776.168
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Janakuasa	53.393.803.848	100.655.738.810
LaneXang Property&Power Development Co., Ltd	9.086.000.000	9.086.000.000
Các khách hàng khác	103.329.481.188	25.569.470.152
	401.013.268.927	147.224.506.350
	401.013.268.927	147.224.506.350

(b) Người mua trả tiền trước chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	171.425.110.827	44.327.686.290
Dài hạn	229.588.158.100	102.896.820.060
	401.013.268.927	147.224.506.350
	401.013.268.927	147.224.506.350

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	(Cán trừ)/ điều chỉnh VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	332.032.448.128	(133.468.390.981)	(198.498.354.075)	65.703.072
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.027.016.358	(1.027.016.358)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.780.442.766	38.292.608.292	(28.122.529.338)	403.360.811	19.353.882.531
Thuế thu nhập cá nhân	3.125.397.845	64.219.221.593	(43.711.711.358)	-	23.632.908.080
Thuế nhà đất	-	3.198.446.749	(3.198.446.749)	-	-
Thuế khác	-	1.774.638.363	(1.544.346.043)	-	230.292.320
	11.905.840.611	440.544.379.483	(211.072.440.827)	(198.094.993.264)	43.282.786.003

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả

(a) Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	30.412.747	37.607.799
Trích trước chi phí công trình	93.887.327.504	123.767.342.059
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	21.110.953.884	114.768.063.304
- Công trình Điện mặt trời áp mái	33.167.465.921	-
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Gio Thành 1 và 2	32.673.469.278	-
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.1 và 6.2	-	6.283.861.816
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Sơn Mỹ 3.1	-	2.165.545.000
- Dự án khác	6.935.438.421	549.871.939
Các chi phí khác	2.194.000.552	766.846.300
	96.111.740.803	124.571.796.158

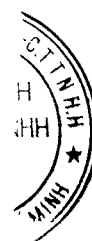
(b) Dài hạn

Chi phí phải trả dài hạn thể hiện chi phí lãi vay phải trả cho Công đoàn Công ty liên quan đến các khoản vay cán bộ công nhân viên, với thời gian đáo hạn là 5 năm.

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí Công đoàn	446.991.064	196.944.225
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	451.346.000	525.511.000
Các khoản phải trả khác	93.916.355.587	58.800.054.268
- Đoàn phí Công đoàn	155.877.550	369.386.572
- Khoản nhận đóng góp từ cán bộ công nhân viên	59.175.800	379.014.315
- Cán bộ công nhân viên đóng góp đầu tư (i)	91.920.000.000	30.619.457.348
- Phải trả nhà thầu Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng (ii)	1.201.500.142	27.136.764.436
- Các khoản khác	579.802.095	295.431.597
	94.814.692.651	59.522.509.493

- (i) Đây là khoản tiền cán bộ công nhân viên ủy quyền lại cho Công đoàn Công ty đầu tư hộ, dùng để góp vốn đầu tư tài chính và đầu tư vào các dự án khác trong tương lai.
- (ii) Đây là khoản phải trả các nhà thầu thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Ngắn hạn

	1/1/2020 VND	Biến động trong năm		31/12/2020 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	33.888.161.479	134.423.693.786	(138.364.772.942)	29.947.082.323
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 (ii)	5.276.214.083	102.532.607.266	(95.343.313.573)	12.465.507.776
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	53.126.117.356	(53.126.117.356)	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	-	52.272.025.077	(52.272.025.077)	-
Vay từ cán bộ công nhân viên (iii)	-	912.962.008	-	912.962.008
	<u>39.164.375.562</u>	<u>343.267.405.493</u>	<u>(339.106.228.948)</u>	<u>43.325.552.107</u>
Số có khả năng trả nợ	<u>39.164.375.562</u>			<u>43.325.552.107</u>

- (i) Khoản vay này được bảo đảm bằng dây chuyền thiết bị tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí nghiệp Cơ Điện của Công ty (Thuyết minh 11) và khoản hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị là 38 tỷ VND của Khối Văn phòng (1/1/2020: 12 tỷ VND) (Thuyết minh 5). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 6,7% (2019: lãi suất năm từ 6,1% đến 6,5%).
- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của Khối Văn phòng là 131 tỷ VND (1/1/2020: 131 tỷ VND) (Thuyết minh 6) và khoản hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị là 5 tỷ VND (1/1/2020: không) (Thuyết minh 5). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 6,9% (2019: lãi suất năm từ 5,8% đến 6,5%).
- (iii) Khoản vay cán bộ công nhân viên ủy quyền cho Công đoàn Công ty cho Công ty vay, không bảo đảm. Khoản vay chịu lãi suất năm là 3,0% (2019: không).



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay người lao động	15.472.487.078	15.472.487.078
Vay Ban Tổng giám đốc	1.856.748.490	1.856.748.490
	<hr/>	<hr/>
	17.329.235.568	17.329.235.568
	<hr/>	<hr/>

Người lao động và Ban Tổng Giám đốc ủy quyền cho Công đoàn Công ty cho Công ty vay, không bảo đảm, thời hạn vay là đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 và chịu lãi suất năm là 3,0% (2019: 3,0%).

22. Dự phòng phải trả

(a) Dự phòng phải trả chi tiết theo hạng mục lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Dự phòng phát sinh khối lượng:		
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	-	5.263.316.997
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	104.117.210.845	69.609.886.342
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	61.918.824.217
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Gio Thành 1	31.555.683.110	-
- Dự án Nhà máy điện mặt trời Gio Thành 2	33.037.906.714	-
- Dự án Điện mặt trời áp mái	23.203.842.343	-
- Các công trình khác	16.346.615.331	14.107.700.802
	<hr/>	<hr/>
	208.261.258.343	150.899.728.358
	<hr/>	<hr/>

(b) Dự phòng phải trả chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	-	5.263.316.997
Dài hạn	208.261.258.343	145.636.411.361
	<hr/>	<hr/>
	208.261.258.343	150.899.728.358
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải trả trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	150.899.728.358	223.584.886.401
Trích lập trong năm	128.283.515.886	39.957.091.409
Hoàn nhập trong năm	(62.333.808.751)	(93.464.336.634)
Sử dụng trong kỳ	(8.588.177.150)	(19.177.912.818)
Số dư cuối năm	208.261.258.343	150.899.728.358

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.435.936.614	34.035.855.326
Trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	26.069.784.034	23.039.400.704
Tặng khác	18.780.000	-
Điều chuyển nội bộ	(2.835.435.740)	(575.373.938)
Sử dụng trong năm	(18.128.397.685)	(43.063.945.478)
Số dư cuối năm	18.560.667.223	13.435.936.614

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Thuyết minh	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019		123.131.590.000	4.922.641.050	12.641.457.169	142.220.172.460	416.061.104.373	5.838.200	698.982.803.252
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	26	116.969.590.000	-	-	-	(116.969.590.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm		-	-	-	-	219.691.425.474	-	219.691.425.474
Lợi nhuận từ các chi nhánh chuyển về		-	-	-	-	35.449.676.101	-	35.449.676.101
Trích quỹ đầu tư phát triển	27	-	-	-	112.552.441.018	(112.552.441.018)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	-	-	-	-	(23.039.400.704)	-	(23.039.400.704)
Tặng khác		-	-	-	-	-	408.000	408.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020		240.101.180.000	4.922.641.050	12.641.457.169	254.772.613.478	418.640.774.226	6.246.200	931.084.912.123
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	26	120.048.340.000	-	-	-	(120.048.340.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm		-	-	-	-	224.771.467.338	-	224.771.467.338
Lợi nhuận từ các chi nhánh chuyển về		-	-	-	-	37.427.397.632	-	37.427.397.632
Trích quỹ đầu tư phát triển	27	-	-	-	127.457.670.170	(127.457.670.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	-	-	-	-	(26.069.784.034)	-	(26.069.784.034)
Tặng khác		-	-	-	-	-	408.000	408.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		360.149.520.000	4.922.641.050	12.641.457.169	382.230.283.648	407.263.844.992	6.654.200	1.167.214.401.059

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	360.149.520.000	24.010.118	240.101.180.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	360.149.520.000	24.010.118	240.101.180.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	360.149.520.000	24.010.118	240.101.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	24.010.118	240.101.180.000	12.313.159	123.131.590.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.004.834	120.048.340.000	11.696.959	116.969.590.000
Số dư cuối năm	36.014.952	360.149.520.000	24.010.118	240.101.180.000

Chi tiết các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.484.831	51,33%	12.323.221	51,33%
Tổ chức American LLC	3.816.850	10,60%	3.197.767	13,32%
Ông Tạ Công Sơn	-	-	1.533.343	6,38%
Các cổ đông khác	13.713.271	38,08%	6.955.787	28,97%
	36.014.952	100,00%	24.010.118	100,00%



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 120.048 triệu VND bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 (2019: 116.970 triệu VND).

27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 8 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ là 50% của lợi nhuận thuần trong năm (2019: 50% của lợi nhuận thuần trong năm). Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	9.221.202.945	14.180.102.397
Từ hai đến năm năm	6.048.102.277	12.265.287.924
	<hr/>	<hr/>
	15.269.305.222	26.445.390.321

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	4.877.083	112.221.689.494	825.479	19.076.818.996
▪ RUB	7.520	2.098.080	7.520	2.541.760
		<hr/>		<hr/>
		112.223.787.574		19.079.360.756

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Khối Văn phòng có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	51.724.694.780	-
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	284.478.391.726	436.281.154.126
	336.203.086.506	436.281.154.126

(d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.124.844.877	840.834.159

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.272.485.983.761	2.601.842.088.185
Doanh thu bán điện	22.604.242.555	20.652.497.732
Doanh thu thanh lý vật tư	59.797.826	-
	3.295.150.024.142	2.622.494.585.917

30. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	2.922.760.131.441	2.359.494.091.900
Giá vốn bán điện	21.315.079.993	18.683.878.281
	2.944.075.211.434	2.378.177.970.181

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	35.008.622.013	50.138.133.675
Cổ tức được chia	6.655.671.624	-
Chiết khấu thanh toán	-	1.982.263.167
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.362.639.771	5.816.827.304
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.892.811.203	302.209.356
Lãi cho vay thu từ các chi nhánh	398.719.372	-
Doanh thu tài chính khác	14.071.306.391	3.130.081.054
	<hr/> 67.389.770.374	<hr/> 61.369.514.556

32. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	2.995.882.785	2.389.044.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.524.401.758	3.901.100.897
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	18.225.460	87.220.878
	<hr/> 10.538.510.003	<hr/> 6.377.366.244

33. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí quảng cáo	-	1.336.878.578
Trích lập dự phòng bảo hành	85.040.007.405	37.132.411.211
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(57.070.491.754)	(92.878.236.326)
	<hr/> 27.969.515.651	<hr/> (54.408.946.537)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	3.775.218.752	5.392.044.656
Chi phí nhân công	23.664.136.645	7.857.660.045
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.642.453.121	7.423.308.214
Thuế, phí và lệ phí	4.552.935.350	1.579.556.654
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.926.681.068	1.984.627.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.575.068.147	19.483.866.617
Chi phí khác	18.819.813.920	32.871.339.100
	89.956.307.003	76.592.402.349

35. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập từ tài trợ	3.101.658.300	7.185.460.000
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	-	5.569.010
Thu nhập khác	305.946.542	1.343.722.269
	3.407.604.842	8.534.751.279

36. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Lỗ do thanh lý/xóa sổ tài sản cố định	1.971.885.315	1.102.550.423
Các khoản bị phạt	759.581.001	1.125.957.637
Chi phí khác	1.315.368.585	16.403.397
	4.046.834.901	2.244.911.457

37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	14.950.811.892	14.666.602.668
Chi phí nhân công	406.666.473.178	335.430.703.044
Chi phí khấu hao và phân bổ	24.295.399.303	22.811.946.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.012.051.325.352	2.436.017.962.611
Chi phí khác	163.927.060.345	36.490.085.356

2-6
HÁ
Y
N
H

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

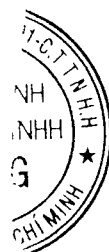
	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	38.292.608.292	30.248.612.706
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	26.296.944.736	33.475.109.878
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	64.589.553.028	63.723.722.584

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	289.361.020.366	283.415.148.058
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	57.872.204.073	56.683.029.612
Ưu đãi thuế	(87.577.782)	(261.029.567)
Thuế TNDN từ các đơn vị chuyển về	7.473.768.515	7.095.318.704
Thu nhập không bị tính thuế	(1.331.134.325)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	662.292.547	206.403.835
	64.589.553.028	63.723.722.584

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm đầu tiên có phát sinh doanh thu. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các dự án được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các dự án không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên các dự án có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Khối Văn phòng có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán hàng hóa, dịch vụ	788.594.105.578	558.456.946.822
Chi nhánh		
Chi nhánh Công Ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí Nghiệp Cơ Điện		
Bán hàng hóa, dịch vụ	56.606.353.023	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	262.912.232.370	42,216,699,543
Chi nhánh Công Ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí Nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ	121.805.921.555	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện		
Bán hàng hóa, dịch vụ	663.033.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	31.814.285.293	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ		
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.514.415.384	829.468.080.763
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	10.323.345
Góp vốn	-	82.410.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau		
Góp vốn	82.404.000.000	9.150.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	59.121.067.680	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2		
Góp vốn	5.400.000.000	-
Các bên liên quan khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	22.604.242.555	20.652.497.732
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia		
Bán hàng hóa, dịch vụ	31.940.354.153	4.395.620.306



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia		
Bán hàng hóa, dịch vụ	23.520.743.687	3.802.890.812
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	27.272.730
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia		
Bán hàng hóa, dịch vụ	23.796.922.038	21.764.148.978
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	9.090.910
Ban QLDA Điện lực Miền Nam – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Bán hàng hóa, dịch vụ	12.137.563.519	8.775.529.063
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	516.756.200
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	2.860.573.727	4.995.135.079
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Ban QLDA Lưới điện TP.HCM		
Bán hàng hóa, dịch vụ	3.712.150.657	2.979.860.324
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	4.545.455
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	427.469.554	2.830.903.311
Ban QLDA Điện 1		
Bán hàng hóa, dịch vụ	20.717.264.546	3.381.836.363
Ban QLDA Điện 2		
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	846.386.857
Ban QLDA điện 3		
Bán hàng hóa, dịch vụ	10.663.889.265	86.482.290
Ban QLDA Nhiệt điện 3		
Bán hàng hóa, dịch vụ	943.628.995	3.383.011.523
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần		
Bán hàng hóa, dịch vụ	997.937.380	1.580.941.788
Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình		
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.171.229.024

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

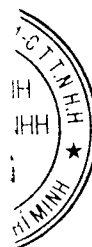
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV Bán hàng hóa, dịch vụ	137.341.818	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi Bán hàng hóa, dịch vụ	2.545.534.865	3.072.876.400
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương Bán hàng hóa, dịch vụ	577.971.440	-
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp – Tổng Công ty Phát điện 3 Bán hàng hóa, dịch vụ	809.977.769	126.773.120
Công ty Truyền tải điện 1 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia Bán hàng hóa, dịch vụ	3.162.553.360	1.969.408.481
Công ty Truyền tải điện 2 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia Bán hàng hóa, dịch vụ	-	(1.648.403)
Công ty Truyền tải điện 3 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia Bán hàng hóa, dịch vụ	140.727.273	3.130.565.716
Công ty Truyền tải điện 4 – Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	834.780.006 -	3.599.265.653 4.545.455
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ – Tổng Công ty Phát điện 3 Bán hàng hóa, dịch vụ	28.181.818	1.357.757.082
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	- -	545.656.000 214.275.100
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán hàng hóa, dịch vụ	349.335.000	1.403.782.500
Công ty Thủy điện IALY – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán hàng hóa, dịch vụ	11.998.232.485	59.265.000

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Thủy điện Hòa Bình Bán hàng hóa, dịch vụ	782.661.562	383.272.584
Công ty Thủy điện Trị An – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán hàng hóa, dịch vụ	2.472.370.138	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	909.091
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.136.380.136
Công ty Thủy điện Huệi Quảng – Bản Chất – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán hàng hóa, dịch vụ	540.551.466	2.143.386.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	909.090
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 Bán hàng hóa, dịch vụ	941.722.303	21.475.300
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.818.182
Công ty Thủy điện Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 Bán hàng hóa, dịch vụ	2.779.002.000	3.756.503.971
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.818.182
Công ty Thủy điện Đại Ninh – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 Bán hàng hóa, dịch vụ	1.805.436.000	1.780.239.100
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ Bán hàng hóa, dịch vụ	1.318.166.519	1.635.108.400
Công ty Thủy điện Tuyên Quang Bán hàng hóa, dịch vụ	408.500.000	1.434.400.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3 Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.910.121.062
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán hàng hóa, dịch vụ	139.355.000	2.197.050.524
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 Bán hàng hóa, dịch vụ	155.803.126	-



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV		
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	140.772.727
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	186.363.636
Ban QLDA Truyền tải điện		
Bán hàng hóa, dịch vụ	2.572.555.350	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	234.899.046	-
Tổng Công ty Phát điện 1		
Bán hàng hóa, dịch vụ	407.448.382	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1		
Bán hàng hóa, dịch vụ	932.559.069	-
Công ty Điện lực Kiên Giang		
Bán hàng hóa, dịch vụ	947.600.154	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung		
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.684.536.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH – Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ	93.396.761	-
Nhà khách Bộ năng lượng		
Mua hàng hóa, dịch vụ	119.090.909	-
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3		
Mua hàng hóa, dịch vụ	756.575.326	1.681.559.532
Công ty Điện lực Phú Thọ		
Mua hàng hóa, dịch vụ	632.029.290	596.098.995
Công ty Điện lực Thủ Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	88.337.513	-
Công ty Điện lực Sài Gòn		
Mua hàng hóa, dịch vụ	79.047.505	51.778.059
Công ty Điện lực Bình Thuận		
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.015.725	293.390.711



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khôi Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Điện lực Bảo Lộc Mua hàng hóa, dịch vụ	4.053.482	-
Công ty Điện lực Tuy Phong Mua hàng hóa, dịch vụ	43.483.815	-
Công ty Điện lực Ninh Thuận Mua hàng hóa, dịch vụ	133.977.275	-
Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia Mua hàng hóa, dịch vụ	277.731.369	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua hàng hóa, dịch vụ	-	296.818.182
Trung tâm Điều độ hệ thống điện Miền Nam Mua hàng hóa, dịch vụ	-	207.225.032
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Thu nhập	3.456.304.390	3.874.895.326
Thành viên Ban Kiểm soát Thu nhập	473.053.154	489.599.817

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Hoạt động đầu tư		
Xây dựng cơ bản dở dang của Khối Văn phòng chưa thanh toán	26.777.165.850	18.134.689.188
Chi cho xây dựng cơ bản dở dang được thanh toán bởi Chi nhánh	27.315.269.774	-
Góp vốn bằng tài sản vào Chi nhánh	9.076.024.689	-
Góp vốn bằng công cụ, dụng cụ vào Chi nhánh	692.727.107	-
Điều chuyển tài sản cố định nội bộ	405.706.219	-
Góp vốn bằng hàng tồn kho vào Chi nhánh	130.633.777	-
Hoạt động tài chính		
Chuyển từ khoản phải trả người lao động sang khoản người lao động đóng góp đầu tư	133.084.062.652	15.474.139.726

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Khối văn phòng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thụy Hoài Yên
 Phó trưởng phòng
 Tài chính Kế toán



Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán Trưởng



Nguyễn Văn Liên Hải
 Phó Tổng Giám đốc

